

Số: 16 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 05 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Nguyên Thái Việt Nam ngày 03/10/2024 và Văn bản số 03/CV-NT ngày 01/11/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Nhà máy gia công in, thêu vi tính trên hàng may mặc” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 272/TTr-TNMT ngày 05 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Nguyên Thái Việt Nam, địa chỉ tại Cụm công nghiệp Cao An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Nhà máy gia công in, thêu vi tính trên hàng may mặc” tại Cụm công nghiệp Cao An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy gia công in, thêu vi tính trên hàng may mặc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Cao An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0801189195 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/9/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/4/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4378762358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 20/4/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 02/10/2024.

1.4. Mã số thuế: 0801189195.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công chi tiết in và thêu vi tính trên hàng may mặc; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các sản phẩm không trái với các quy định của pháp luật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 3.801,3 m² (Diện tích thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Mạnh Cường)

- Công suất của cơ sở: Gia công chi tiết in và thêu vi tính trên hàng may mặc: 9.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nguyên Thái Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nguyên Thái Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng có thẩm quyền nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày ký đến hết ngày 20/4/2028.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Nguyên Thái Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Cao An;
- Cổng thông tin điện tử huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình rửa khuôn in.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa chân tay dính keo in.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải chung (công suất 30 m³/ngày đêm).
- Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Tọa độ X(m) = 2317262; Y(m) = 577772 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, C_{max} với K_q = 0,9; K_f = 1,2) như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT	
			Cột B	C _{max} với K _q = 0,9; K _f = 1,2
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Màu	Pt/Co	150	150
3	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	54

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT	
			Cột B	C_{max} với $K_q = 0,9; K_f = 1,2$
5	COD	mg/l	150	162
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	108
7	Asen	mg/l	0,1	0,108
8	Thủy ngân	mg/l	0,01	0,0108
9	Chì	mg/l	0,5	0,54
10	Cadimi	mg/l	0,1	0,108
11	Crom (VI)	mg/l	0,1	0,108
12	Crom (III)	mg/l	1	1,08
13	Đồng	mg/l	2	2,16
14	Kẽm	mg/l	3	3,24
15	Niken	mg/l	0,5	0,54
16	Mangan	mg/l	1	1,08
17	Sắt	mg/l	5	5,4
18	Tổng xianua	mg/l	0,1	0,108
19	Tổng phenol	mg/l	0,5	0,54
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10,8
21	Sunfua	mg/l	0,5	0,54
22	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10,8
23	Tổng nitơ	mg/l	40	43,2
24	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6	6,48
25	Coliform	MPN/100ml	5.000	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích 57 m³) và nước thải từ sàn, chậu rửa tại các nhà vệ sinh được dẫn về bể thu gom, điều hòa của hệ thống xử lý nước thải chung công suất 30 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02, 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa khuôn in, nước thải từ quá trình rửa chân tay dính keo in của công nhân được dẫn về bể thu gom nước thải sản xuất để xử lý sơ bộ sau đó đưa về bể thu gom, điều hòa của hệ thống xử lý nước thải chung công suất 30 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau xử lý tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Cao An tại 01 điểm xả (Tọa độ điểm xả nước thải: X(m) = 2317262; Y(m) = 577772 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°)).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải chứa keo in (Nguồn số 02, 03) → Bể gom nước thải sản xuất → Bể keo tụ, tạo bông → Nước thải và hỗn hợp bùn và nước.

Nước thải → Bể thu gom, điều hòa.

Hỗn hợp bùn và nước → Bể lọc bùn → Nước thải → Bể thu gom, điều hòa (còn bùn thải chuyển đơn vị xử lý).

+ Nước thải sinh hoạt (Nguồn số 01) → Bể thu gom, điều hòa.

Sau đó nước thải tại Bể thu gom, điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý. Nước thải sau xử lý tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Cao An thuộc xã Cao An, huyện Cẩm Giàng.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, cơ chất, Javen (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất; tần suất bảo dưỡng 06 tháng/lần. Trang bị các thiết bị dự phòng (máy bơm, máy thổi khí,...) để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng thiết bị.

- Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất. Cập nhật đầy đủ nhật ký vận hành các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố sớm nhất.

* Biện pháp khắc phục:

- Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Công ty hoặc thông báo/thuê đơn vị xây

lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

- Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn. Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn phải ngưng hoạt động hệ thống để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định của giấy phép môi trường thực hiện dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại các bể của hệ thống để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Trường hợp không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại các bể trong hệ thống thì Công ty thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải chung - Công suất 30 m³/ngày đêm.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: tối đa 6 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 điểm

- 01 điểm lấy tại bể gom nước thải sản xuất

- 01 điểm lấy tại bể thu gom, điều hòa

- 01 điểm lấy tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải chung.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất và hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải, khí thải: Không lấy mẫu để phân tích.

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải:

- Mẫu nước thải trước xử lý tại 02 vị trí trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn):

+ 01 điểm lấy bể gom nước thải sản xuất

+ 01 điểm lấy bể thu gom, điều hòa.

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận nước thải.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, 6, 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, C_{\max} với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$).

3.6. Công ty TNHH Nguyên Thái Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024
của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ hoạt động sản xuất trong xưởng in.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động sản xuất trong xưởng thêu.
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý nước thải chung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ nguồn số 01: X(m) = 2317307; Y(m) = 577787.
- Tọa độ nguồn số 02: X(m) = 2317344; Y(m) = 577804.
- Tọa độ nguồn số 03: X(m) = 2317326; Y(m) = 577752.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	90
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	150
3	Bao bì kim loại cứng, bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 02 18 01 03	20
4	Khuôn in lõi, hỏng	-	100
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (có thành phần nguy hại)	19 02 06	10
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
7	Pin, ắc quy thải (sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất)	16 01 12 19 06 05	5
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải chung	12 06 05	400
	Tổng		785

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh **thường xuyên** (trừ chất thải **được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp** làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất, **ký hiệu là TT-R**):

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Vải, méch lõi, vụn, chỉ, sản phẩm lõi, hỏng	-	2.000
2	Bìa các tông, ống giấy cuộn vải, cuộn chỉ, giấy tạo đường mẫu, giấy bọc sản phẩm	18 01 05	300

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
	rách, hỏng...		
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	200
4	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	18 02 02	150
5	Mực in, hộp chứa mực in văn phòng (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng)	08 02 06 08 02 08	300
6	Bùn thải từ bể phốt của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	12 06 13	3.000
	Tổng		5.950

Ghi chú: Đối với sản phẩm lỗi, hỏng chuyển trả lại đơn vị đặt hàng của cơ sở.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **11,6 tấn/năm.**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ:

Thùng chứa, bao bì chứa.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho: 12,96 m² (lưu chứa cùng chất thải rắn thông thường).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ bảo đảm sàn kín, không bị thấm thấu, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ kho. Kho được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ, bố trí vật liệu hoặc thiết bị để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa, bao bì chứa.

- Diện tích kho: 12,96 m² (lưu chứa cùng chất thải nguy hại).

- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền bê tông xi măng chống thấm.

2.3. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa, bao bì chứa.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty TNHH Nguyên Thái Việt Nam có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải chung đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.